TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 9 - 2022
V/v: "*T/c Hôn nhân và gia đình xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Tám

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Kim N, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm: 1981, địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Kim N như sau: Chị và anh Trần Văn M tự tìm hiểu phát sinh tình cảm được gia đình cha mẹ đôi bên đồng ý tiến hành lễ cưới vào năm 2002, còn việc đăng ký kết hôn theo UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang xác nhận là hiện nay sổ bộ lưu trữ không còn nữa.

Quá trình chung sống thời gian đầu đầm ấm hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống đến ngày 20 tháng 10 năm 2018 vợ chồng đã tự ly thân cho đến nay. Nay chị N xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 đứa con chung tên Trần Thị Yến L, sinh ngày 22/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 01/6/2007, các con hiện đang sống tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Chị N yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Trần Văn M xác định lời trình bày của chị N là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm tất cả các mặt trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ 2018 đến nay.

Về hôn nhân anh M cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 đứa con chung tên Trần Thị Yến L, sinh ngày 22/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 01/6/2007, các con hiện đang sống với chị N tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Anh đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về tố tụng:

- Anh Trần Văn M với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Trần Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩ nên chấp nhận.

[2] Về nội dung:

- Theo xác nhận của UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang thì việc đăng ký kết hôn giữa Trương Kim N với anh Trần Văn M sổ bộ lưu trữ không còn nữa. Do đó không chứng minh được giữa anh M và chị N có đăng ký kết hôn hay không để làm căn cứ xác định.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Kim N với anh Trần Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 như sau:

"*Khoản 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống vối nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền,*

N1 vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này".

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị N và anh M không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận là vợ chồng giữa chị Trương Kim N đối với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Có 02 đứa con chung tên Trần Thị Yến L, sinh ngày 22/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 01/6/2007, các con hiện đang sống với chị N tại ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Anh M và chị N thỏa thuận là anh M giao cho chị N tiếp tục nuôi 02 con đến trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật), anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây cũng là nguyện vọng của cháu L và cháu K và là sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh M, nghĩ nên ghi nhận.

- Về tài sản và nợ: Vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

- Về án phí: Chị Trương Kim N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng Điều 14 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận giữa chị Trương Kim N đối với anh Trần Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận là anh M giao 02 con chung tên Trần Thị Yến L, sinh ngày 22/4/2003 và Trần Anh K, sinh ngày 01/6/2007 cho chị N tiếp tục nuôi 02 con đến trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật), anh M được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí: Xử buộc chị Trương Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N

đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008597, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Trương Kim N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 9 năm 2022; anh Trần Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bàn án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ VĂN TÁM